

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11-6-2021

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thom.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoa.

Ông Võ Văn Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Ngọc H, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà H và ông Nguyễn Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông L thường xuyên cờ bạc, nhậu nhẹt, không biết chăm lo kinh tế gia đình. Bà H đã khuyên ông L nhiều lần nhưng ông L vẫn không sửa đổi. Mâu thuẫn giữa bà và ông L kéo dài đến cuối năm 2020 thì trở nên trầm trọng và từ tháng 4 năm 2021 ông bà đã sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Bà H và ông L có 02 con chung là chị Dương Thị Kim L, sinh năm 1993 và chị Dương Thị Thúy K, sinh năm 1996. Hiện tại chị L và chị K đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, bà H không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông L không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông L vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn L nên đây là “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông L có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà H là nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn ông L đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà H, ông L.

[3] Về hôn nhân: Bà H trình bày bà và ông L bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1992 cho đến nay nhưng vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Lời trình bày này của bà H được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy bà H và ông L có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tuy nhiên, bà H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông L, ông L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không gửi bất kỳ văn bản trình bày ý kiến nào đối với yêu cầu của bà H. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà H và ông L có 02 con chung là chị Dương Thị Kim L, sinh năm 1993 và chị Dương Thị Thúy K, sinh năm 1996. Hiện tại chị L và chị K đã trưởng thành và bà H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Dương Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn L.

2. Về án phí: Bà Dương Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 49725 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên bà H đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà H, ông L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã T;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm